

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2021/DS-ST

Ngày: 07-8-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Phi Tiễn.

- Ông Nguyễn Hữu Tin.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Minh Thường – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2021, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower số 109 Trần Hưng Đạo, phường C, quận H, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Trần Minh T, chức vụ: Trưởng phòng hỗ trợ hoạt động - Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Q. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khối phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Q.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 13 tháng 11 năm 2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B, chi

nhánh Q và bà Nguyễn Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 0167D/2015/HDTD.480, theo đó Ngân hàng Thương mại cổ phần B cho bà T vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay: sửa chữa nhà ở và mua đồ nội thất, thời hạn vay 48 tháng và thỏa thuận trả nợ gốc, lãi vào ngày 15 hàng tháng, mỗi tháng trả 1.042.000 đồng. Trong quá trình vay vốn bà T đã trả được 14.588.000 đồng nợ gốc. Số nợ gốc còn lại là 35.412.000 đồng và nợ lãi phát sinh mặc dù đã quá hạn thanh toán, đại diện ngân hàng cũng đã liên hệ làm việc nhiều lần nhưng không liên hệ được với bà T vì bà T đã thay đổi nơi cư trú, làm việc nhưng vẫn không thông báo cho nguyên đơn.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 07-8-2021 là 65.959.593 đồng, trong đó nợ gốc là 35.412.000 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 07-8-2021 là 30.547.593 đồng, lãi suất tiếp theo theo hợp đồng vay cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không có lời trình bày tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn là đúng pháp luật, đối với bị đơn là không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần B có đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị T, địa chỉ tại: khối phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Q, lý do khởi kiện là bị đơn không trả khoản nợ đã vay của nguyên đơn. Vì vậy việc khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Bà Nguyễn Thị T là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại khối phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Đây cũng là địa chỉ của bà T được ghi trong hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và bà T. Tuy nhiên, trong quá trình vay vốn chưa trả xong khoản nợ đã vay của nguyên đơn, bà T đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo địa chỉ nơi cư trú, làm việc mới cho người khởi kiện theo quy định tại Điều 40 của Bộ luật dân sự, điểm e khoản 1 Điều

192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trường hợp này bà T được coi là cổ tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa bà T vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng số 0167D/2015/HDTD.480 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B – chi nhánh Q và bà Nguyễn Thị T thì thấy rằng: Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc hoặc lừa dối, tại hợp đồng tín dụng số 0167D/2015/HDTD.480 ngày 13 tháng 11 năm 2015 có thể hiện rõ Ngân hàng Thương mại cổ phần B – chi nhánh Q cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền gốc 50.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay: sửa chữa nhà ở và mua đồ nội thất, thời hạn vay 48 tháng và thỏa thuận trả nợ gốc và trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13-11-2019, do vậy hợp đồng có hiệu lực. Trong quá trình vay vốn bà Nguyễn Thị T đã trả được 14.588.000 đồng nợ gốc, còn 35.412.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh.

Hợp đồng đến nay đã quá hạn, đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã nhiều lần liên hệ làm việc trực tiếp đôn đốc thanh toán nhưng không liên lạc được với bà T, hơn nữa bà T cũng không chủ động thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên là đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa hai bên và vi phạm quy định tại Điều 401, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện bà T yêu cầu trả khoản nợ gốc còn lại là 35.412.000 đồng và lãi tính đến hết ngày 07-8-2021 là 30.547.593 đồng và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 192, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 40, 385, 401, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 65.959.593đồng (*Sáu mươi lăm triệu chín trăm năm mươi chín nghìn năm trăm chín mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc là 35.412.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng*) và nợ lãi tính đến hết ngày 07-8-2021 là 30.547.593đồng (*Ba mươi triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi ba đồng*).

Tiền lãi tiếp tục tính kể từ ngày 08-8-2021 cho đến khi bà Nguyễn Thị T trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0167D/2015/HDTD.480 ngày 13 tháng 11 năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 3.297.900đồng (*Ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí 1.572.000 đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số 00001126 ngày 22-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp T;
- Chi cục THADS Tp T;
- Tòa án tỉnh, VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Đinh Thị Huỳnh Lý